

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **765/2017/KDTM-PT**
Ngày: 24-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương.

Các Thẩm Phán: 1/ Ông Đỗ Đức Vân Hồng.
2/ Ông Ngô Văn Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 và 24 tháng 8 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/KDTMPT ngày 23/5/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án số 599/2017/KDTM-ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 473/2017/QĐXX-PT ngày 27/6/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2017/QĐPT-DS ngày 24/7/2018 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 489/2017/QĐPT-KDTM ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: 115-121 N, phường N, Quận A, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thị Hạnh D – Giấy ủy quyền số 3230/2016/GUQ-VAB ngày 18/11/2016 (có mặt)

Bị đơn: Ông Vũ Xuân V, sinh năm 1946.

Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Ngọc D, sinh năm 1979 (vắng mặt).
2. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1960 (vắng mặt)
3. Bà Vũ Bích N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ủy quyền cho bà Hồ Thị Hạnh D trình bày:

Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn cấp hạn mức tín dụng cho ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/10/VAB-BC/HĐCHMTD ngày 07/10/2010. Ngày 07/10/2010, khách hàng ký với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Bà Chiểu Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB-BC/HĐNH, cụ thể như sau:

Số vàng vay: 110 chỉ vàng SJC.

Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 07/10/2010 đến ngày 07/10/2011.

Mục đích vay: Kinh tế phụ gia đình.

Lãi suất: 5,0%/năm; lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

Phương thức thanh toán: Trả lãi vào ngày 07 hàng tháng, trả vốn khi đến hạn.

Ngày 07/10/2010, ông V, bà N ký với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn (Ngân hàng) phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 242/11/VAB-BC/PLHĐTD nội dung: Ngân hàng đồng ý gia hạn nợ cho ông V, bà N số vàng 110 chỉ vàng SJC thời hạn từ ngày 07/10/2011 đến ngày 07/04/2012.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay trên, ông V và bà N có thể chấp Quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H do ông V, bà N đứng tên chủ sở hữu. Việc thế chấp tài sản để bảo đảm cho Hợp đồng vay được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/10/VAB-BC/TCBĐS ngày 07/10/2010 được công chứng tại Phòng công chứng số 6 - Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng: 21431, Quyền số: 10. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và môi trường Quận 3 số 2010-1666-UB, Quyền số 17 ngày 07/10/2010.

Ngày 05/04/2012, Ngân hàng đã gửi thông báo nợ đến hạn đến ông V, bà N để yêu cầu ông V, bà N phải thanh toán hết toàn bộ số vốn và lãi (nếu có) cho Ngân hàng. Tuy nhiên đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán. Vì vậy Ngân hàng đã chuyển khoản nợ gốc của ông V, bà N sang nợ quá hạn theo quy định của của Ngân hàng Nhà Nước kể từ ngày 08/4/2012.

Từ khi vay vốn đến nay, ông V và bà N đã thanh toán xong tiền lãi cho Ngân hàng đến hết ngày 08/4/2017. Như vậy, còn thiếu lãi từ ngày 09/4/2017 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu ông V, bà N phải trả số vàng còn nợ là 110 chỉ vàng SJC, trong đó:

- Nợ gốc : 110 chỉ vàng SJC (Một trăm mười chỉ vàng SJC).
- Lãi phạt chậm trả vốn (quá hạn) tính từ ngày 09/4/2017 đến ngày 18/4/2017:

Nếu vàng SJC được ông V, bà N thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng thì sẽ được quy đổi theo giá vàng SJC của Ngân hàng TMCP V niêm yết tại thời điểm thanh toán.

Trong trường hợp ông V, bà N không trả được số nợ trên, nguyên đơn đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H do ông V, bà N đứng tên chủ sở hữu, việc thế chấp tài sản để bảo đảm cho Hợp đồng vay được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/10/VAB-BC/TCBĐS ngày 07/10/2010 được công chứng tại phòng công chứng số 6 - Thành phố Hồ Chí Minh số công chứng: 21431, Quyền số: 10. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng tài nguyên môi trường Quận 3 ngày 07/10/2010 để nguyên đơn thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Vũ Xuân V trình bày: Quá trình giao kết Hợp đồng, ông bà và Ngân hàng TMCP Việt Á ký 04 bộ Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Bộ Hợp đồng thứ nhất: Ngày 10/10/2007 ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07 HĐ CHMTD VAB-PN, có thời hạn cấp hạn mức là 60 tháng và ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/07/HĐNH-VAB.PN (cho vay theo hạn mức tín dụng). Theo đó, Ngân hàng cho các Bị đơn vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn là 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,575%/tháng. Cùng ngày hai bên cũng ký Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 110/07/HĐTC-VAB.PN. Theo đó, các Bị đơn thế chấp căn nhà 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H, có trị giá thế chấp 428.000.000 đồng do các Bị đơn đứng tên chủ sở hữu để đảm bảo cho khoản vay trên. Hợp đồng thế chấp trên được công chứng tại Phòng công chứng số 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bộ Hợp đồng thứ hai: Ngày 10/10/2008 hai bên ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 331-45/07/01 có nội dung bổ sung điều 1 (hạn mức tín dụng), khoản 1.1 và 1.2 trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07 HĐ CHMTD VAB-PN ngày 10/10/2007, ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho các bị đơn là 250.000.000 đồng hoặc vàng tương đương và ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331-69/08. Theo đó, Ngân hàng cho các bị đơn vay số vàng là 140 chỉ vàng SJC, lãi suất vay là 0,85%/ tháng. Lãi suất này được điều chỉnh theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng ban hành từng thời kỳ nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ đầu tiên. Khi lãi suất cho vay thay đổi Ngân hàng sẽ thông báo cho bên vay biết để thực hiện, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%

lãi trong hạn. Cùng ngày, các bên ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 331-110/07/01-HĐTD để bổ sung Điều 1 (số tiền vay, số lượng và giá trị của tài sản thế chấp): Ngân hàng đồng ý cho cấp cho các bị đơn hạn mức tín dụng là 250.000.000 đồng hoặc vàng tương đương theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07 HĐ CHMTD VAB-PN ngày 10/10/2007 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 331-45/07/01 ngày 10/10/2008. Thời điểm này vàng có giá trị là 1.800.000 đồng/chỉ.

- Bộ Hợp đồng thứ ba: Ngày 09/10/2009 hai bên ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331-329/09/ĐS. Theo đó, Ngân hàng cho các bị đơn vay 110 chỉ vàng SJC, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,65%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất là căn nhà số 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H có giá trị là 428.000.000 đồng. Lúc này vàng là 2.300.000 đồng/chỉ

- Bộ Hợp đồng thứ tư: Ngày 07/10/2010 Ngân hàng gửi thông báo giải chấp đến Phòng công chứng số 4 để thông báo giải tỏa tài sản thế chấp do nghĩa vụ đảm bảo nợ vay của tài sản đã hoàn tất theo Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 110/07/HĐTC-VAB.PN ngày 07/10/2007, công chứng tại Phòng Công chứng số 4 Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/10/2007. Đồng thời hai bên ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/10/VAB-BC/HĐCHMTD ngày 07/10/2010. Theo đó ngân hàng cho cấp cho các Bị đơn hạn mức tín dụng là 110 chỉ vàng SJC hoặc tiền tương đương, thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB-HDNH ngày 07/10/2010, có nội dung chính ngân hàng cho các bị đơn vay 110 chỉ vàng SJC. Mục đích vay kinh tế phụ gia đình lãi suất vay trong hạn là 5%/ năm. Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Cùng ngày các bên ký Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 242/11/VAB-BC/PLHĐTD nội dung: Ngân hàng đồng ý gia hạn nợ cho các Bị đơn số vàng 110 chỉ vàng SJC thời hạn từ ngày 07/10/2011 đến ngày 07/04/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/10 VAB-BC/TCBĐS ngày 07/10/2010 tại phòng công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung Ngân hàng cho các Bị đơn vay 110 chỉ vàng SJC hoặc tiền tương đương theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/10/VAB-BC/HĐCHMTD ngày 07/10/2010 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất tại căn nhà số 414/20 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 235 chỉ vàng SJC.

Kể từ khi vay vốn đến nay, ông bà đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ đến hết ngày 08/4/2017. Nay, trước yêu cầu của Ngân hàng, bị đơn yêu cầu Tòa án công nhận hiệu lực của 3 hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07/HĐCHMTD VAB-PN ngày 10/10/2007, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/07/HĐNH-VAB.PN ngày 10/10/2007. Tuyên bố toàn bộ các hợp đồng còn lại gồm: Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 331-45/07/01 ngày 10/10/2008; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 331-110/07/01-HĐTD ngày 10/10/2008; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331-69/08 ngày 10/10/2008; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331-329/09/ĐS ngày

09/10/2009; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/10/VAB/BC/HĐCHMTD ngày 07/10/2010; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB.BC/HĐNH ngày 07/10/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/10 VAB-BC/TCBĐS ngày 07/10/2010 là vô hiệu vì ép khách hàng và trái đạo đức xã hội.

Ngoài ra, ngày 19/9/2016 bị đơn ông Vũ Xuân V có yêu cầu phản tố: Buộc Ngân hàng TMCP V trả lại số tiền 40.000.000 đồng ông đã nộp cho Ngân hàng với lý do áp dụng lãi phạt quá hạn bằng 150% là không đúng pháp luật.

Bản án số 599/2017/KDTM-ST ngày 18/4/2017 và Quyết định sửa chữa bổ sung số 902/2017/QĐSCBSBA ngày 4/5/2107 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N trả cho Ngân hàng TMCP V số vàng nợ gốc 110 chỉ vàng SJC và lãi quá hạn tính từ ngày 08/4/2017 tạm tính đến ngày 18/4/2017 là 0.252 chỉ vàng SJC. Tổng cộng là 110,252 chỉ vàng SJC (Tương đương số tiền 406.443.998 đồng).

Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc 110 chỉ vàng SJC chưa hoàn trả theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB.BC/HĐNH ngày 7/10/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 242/11/VAB-BC/PLHĐTD ký ngày 07/10/2011 kể từ ngày 19/4/2017 cho đến khi ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N trả hết nợ.

Các bên đương sự thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh được quy đổi thành tiền VNĐ (đồng) theo tỷ giá vàng SJC do Công ty TNHH một thành viên Vàng bạc đá quý S niêm yết tại thời điểm thi hành án.

Sau khi các bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V phải trả lại cho các bị đơn toàn bộ bản chính hồ sơ nhà đất số 414/20 C, phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N không trả hoặc trả không đủ số nợ như quyết định ở trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại số 414/20 C, phường A, quận B, TP. H theo qui định của pháp luật để thi hành án.

Kể từ khi căn nhà số 414/20 C, phường A, quận B, TP. Hồ Chí Minh được phát mãi để thi hành án thì những người đang thực tế cư trú phải dọn đi nơi khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc Ngân hàng TMCP V trả lại số tiền 40.000.000 đồng mà ông đã nộp cho ngân hàng với lý do áp dụng lãi phạt quá hạn bằng 150% là không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2017, bị đơn ông Vũ Xuân V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản tường trình ngày 29/6/2017 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Vũ Xuân V trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân V với các lý do:

Về nội dung: Yêu cầu hủy các hợp đồng số 150/07/HĐNH-VAB-PN ngày 10/10/2007; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 333 4T/07/01 ngày 10/10/2008; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 331-110/07/01 HĐTC ngày 10/10/2008; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331/69/08 ngày 10/10/2008; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331-329/09/03 ngày 09/10/2009 vì các hợp đồng này đã vi phạm Khoản 2 Điều 423 Bộ luật dân sự. Hủy các hợp đồng trên sẽ hủy các hợp đồng 43/10/VAB-BC/HĐCHMTĐ ngày 7/10/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/10/VAB-BC/TCBĐS ngày 7/10/2010 được Phòng công chứng số 6 chứng nhận; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB-BC/HĐNH ngày 7/10/2010 vì các hợp đồng này muốn hủy hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07/HĐCM TD-VAB-PN ngày 10/10/2007; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 110/07/HĐTC VAB-PN ngày 10/10/2007 đã được Phòng công chứng số 4 chứng nhận vẫn còn hiệu lực hai năm nữa.

- Công nhận Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07/HĐCHMTD – VAB-PN ngày 10/10/2007; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 110/07/HĐK-VAB-PN ngày 10/10/2007 đã được Phòng công chứng số 4 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

- Chấp nhận cho ông Vũ Xuân V trả tiền ngân hàng 180.000.000 đồng. Vì ngày 10/10/2007 ông V vay Ngân hàng 250.000.000 đồng, ngày 09/10/2009 Ngân hàng Việt Á đã nhận lại của ông 30 chỉ vàng SJC tương đương với 70.000.000 đồng.

- Buộc Ngân hàng TMCP V trả lại cho ông V 40.000.000 đồng tiền lãi phạt chậm trả vốn như đơn phản tố ngày 19/9/2016.

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng:

- Không hòa giải trước khi đưa vụ án ra xét xử, không xem xét yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân V trong phiên hòa giải để làm rõ sự việc, thẩm phán Nguyễn Hải N không khách quan khi xét xử.

- Không công bố tài liệu của vụ án: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 227 có ghi người tham gia tố tụng không có mặt tại phiên tòa mà trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã có lời khai thì khi xử tòa án phải công bố lời khai nhưng tòa án lại không công bố lời khai của bà Hoàng Thị N là vợ và bà Vũ Bích N là con của ông V là những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có mặt tại tòa nhưng có lời khai trước đó.

- Không tuân thủ trình tự phát biểu khi tranh luận: Hội đồng xét xử không cho phép ông V được đặt câu hỏi cho phía nguyên đơn.

- Không triệu tập đương sự có liên quan đến vụ án: Ông Dương Hồng Đ, Phạm Văn D, Tào Quang C, Lê Nam S là những cán bộ Ngân hàng V thực hiện

muu đồ chiếm đoạt tiền vàng của bị đơn nhưng không được Tòa án sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng.

- Kiểm sát viên không thực hiện thẩm quyền của mình là giám sát phiên tòa nên không phát hiện được tòa án xét xử không đúng pháp luật còn đi sâu vào nội dung đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vượt quá thẩm quyền được giao.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân V.

Đại diện Ngân hàng TMCP V có bà Hồ Thị Hạnh Dg trình bày: Đại diện Ngân hàng giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác kháng cáo của bị đơn ông Vũ Xuân V, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử ở cấp sơ thẩm, nhận thấy vi phạm này là ít nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của của ông Vũ Xuân V; giữ nguyên Bản án KDTM sơ thẩm số 599/2017/KDTM-ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên bản án ngày 18/4/2017. Ngày 28/4/2017, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo của ông Vũ Xuân V. Ngày 09/5/2017, ông Văn nộp biên lai tạm ứng án phí kháng cáo. Xét thấy, việc kháng cáo và nộp biên lai tạm ứng án phí đều được đương sự thực hiện trong hạn luật định nên được Tòa phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Vũ Thị Ngọc D, Phạm Văn Lương L, Vũ Bích N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

Về xác định quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Việt Á khởi kiện yêu cầu ông Vũ Xuân V bà Hoàng Thị N phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB.BC/HĐNH ngày 7/10/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 242/11/VAB-BC/PLHĐTD ký ngày 07/10/2011, mục đích ông Vũ Xuân V bà Hoàng Thị N vay tiền là để làm kinh tế phụ gia đình, đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Vũ Xuân V, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Về ý kiến kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng:

- Không hòa giải trước khi đưa vụ án ra xét xử, không xem xét yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân V trong phiên hòa giải để làm rõ sự việc, Thẩm phán không trung thực và khách quan khi xét xử.

- Không tuân thủ trình tự phát biểu khi tranh luận: Hội đồng xét xử không cho phép ông V được đặt câu hỏi cho phía nguyên đơn.

- Không triệu tập đương sự có liên quan đến vụ án: Ông Dương Hồng Đ, Phạm Văn D, Tào Quang C, Lê Nam S là những cán bộ Ngân hàng V thực hiện mưu đồ chiếm đoạt tiền vàng của bị đơn nhưng không được Tòa án sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng.

- Kiểm sát viên không thực hiện thẩm quyền của mình là giám sát phiên tòa nên không phát hiện được tòa án xét xử không đúng pháp luật còn đi sâu vào nội dung đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vượt quá thẩm quyền được giao.

Qua xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật: Ngày 12/12/2016, Tòa án nhân dân Quận 1 ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải trong đó có thông báo thời gian, địa điểm và nội dung hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, thông báo này đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự; Tại biên bản hòa giải ngày 22/12/2016 cũng ghi nhận ý kiến của ông V và bà N là giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và có yêu cầu phản tố yêu cầu Ngân hàng TMCP V hoàn trả cho ông bà số tiền tạm tính là 40.000.000 đồng. Tại phần nội dung của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã xem xét và nhận định đầy đủ các ý kiến của ông V về 4 bộ hợp đồng đã ký với Ngân hàng TMCP V vào các năm 2007, 2008, 2009 và 2010 cũng như đã thụ lý giải quyết và xem xét yêu cầu phản tố của ông V trong bản án sơ thẩm. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử cũng đã hỏi ông V có yêu cầu thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng nhưng ông V đã không có ý kiến gì. Do đó, lời trình bày của ông V cho rằng Thẩm phán không tôn trọng việc hòa giải trước khi đưa vụ án ra xét xử, không xem xét yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân V, không trung thực khách quan khi giải quyết vụ án là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị N và bà Vũ Bích N nhưng không công bố tài liệu của vụ án, không tuân thủ trình tự phát biểu khi tranh luận: Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 254 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án trong các trường hợp người tham gia tố tụng không có mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, các ông bà Hoàng Thị N, Vũ Bích N, Vũ Thị Ngọc D và Phạm Văn L không có mặt nhưng Hội đồng xét xử không công bố lời khai của họ. Tuy nhiên tại bản khai của bà Hoàng Thị N ngày 25/11/2013, bản khai ngày 19/9/2016 của bà Vũ Bích N, bà Vũ Thị Ngọc D và ông Phạm Văn L thì ý kiến của các ông bà của các ông bà cũng thống nhất với lời trình bày của ông Vũ Xuân V và ông V cũng có mặt tại phiên tòa. Do đó, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm không công bố lời khai của các đương sự nói trên là có sai sót, cần rút kinh nghiệm, tuy nhiên sai sót này cũng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án. Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 18/4/2017 ghi nhận ông V đã phát biểu ý kiến và đưa ra bản câu hỏi đối với Ngân hàng V, sau đó các bên không còn tranh luận gì thêm nên Hội đồng xét xử đã kết thúc phần tranh luận. Do vậy ông V cho rằng Hội đồng xét xử không tuân thủ trình tự phát biểu khi tranh luận là không có cơ sở.

Đối với ý kiến cho rằng Tòa án không triệu tập Giám đốc và 03 cán bộ tín dụng của Ngân hàng V – PGD Bà Chiêu tham gia tố tụng là không đúng pháp luật: Việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP V với ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Anh N được các cán bộ tín dụng thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do Ngân hàng quy định. Do đó, Tòa án không triệu tập những người này tham gia tố tụng là có cơ sở.

Đối với ý kiến cho rằng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm đã vượt quá thẩm quyền được giao khi đi sâu vào nội dung vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: “... Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Như vậy, việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến về tố tụng và nội dung vụ án là đúng thẩm quyền được giao. Do đó, ý kiến kháng cáo của ông Văn là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với ý kiến kháng cáo yêu cầu Tòa án công nhận hiệu lực các hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07/HĐ CHMTD VAB-PN ngày 10/10/2007, Hợp đồng thế chấp tài sản số 110/07/HĐTC-VAB.PN ngày 10/10/2007 và tuyên bố toàn bộ các hợp đồng còn lại gồm: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 150/07/HĐNH-VAB.PN ngày 10/10/2007 ngày 10/10/2008; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 331-45/07/01 HĐTC ngày 10/10/2008; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331/69/08 ngày 10/10/2008; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 331-329/09/ĐS ngày 09/10/2009; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/10/VAB-BC/HĐCHMTD ngày 7/10/2010, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB-HDNH ngày 07/10/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/10 VAB-BC/TCBĐS ngày 07/10/2010 là vô hiệu vì ép khách hàng và trái đạo đức xã hội: Xét thấy, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 45/07/HĐCHMTDVAB.PN ngày 10/10/2007 (10/10/2007-10/10/2012) là hợp đồng khung, trong hợp đồng này thường quy định các điều khoản cụ thể. Sau khi ký hợp đồng khung Ngân hàng và khách hàng có quyền thỏa thuận ký tiếp các hợp đồng tín dụng ngắn hạn khác. Tại phiên tòa các bên đều thừa nhận sau khi Hợp đồng khung 45/07/HĐCHMTDVAB.PN và các hợp đồng sửa đổi, hợp đồng cụ thể tất toán khi đến kỳ hạn thì Ngân hàng TMCP V và ông Vũ Xuân V bà Hoàng Thị N mới ký Hợp đồng tín dụng cấp hạn mức tín dụng tiếp theo. Nhận thấy, các bộ hợp đồng trên được giao kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Á với ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N có hình thức và nội dung rõ ràng, quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do các bên tự nguyện giao kết. Đối với các hợp đồng có quy định phải được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm thì các bên cũng đã tuân thủ theo đúng quy định, pháp luật không quy định Hợp đồng trước ký ở đâu thì hợp đồng sau bắt buộc phải ký ở đó, việc Ngân hàng TMCP V công chứng giao dịch thế chấp tại Phòng công chứng số 4 hay số 6 là đều đúng theo quy định của pháp luật, ông V cho rằng việc Ngân hàng TMCP V công chứng hợp đồng thế chấp tại Phòng công chứng số 6 để xóa dấu viết chiếm đoạt tiền, vàng của ông là không có cơ sở. Các bên cũng đã thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ ghi trong hợp đồng và các bản hợp đồng cũng đã lần lượt kết thúc khi đến hạn. Việc khách hàng giao kết các Hợp đồng với ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không ai có quyền ép khách hàng ký nếu khách hàng không muốn, ông Văn có quyền không ký hợp đồng nếu bị Ngân hàng ép buộc. Mặt khác, ông V cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh Ngân hàng TMCP V ép buộc ông ký các hợp đồng trên nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với yêu cầu phản tố của ông V buộc Ngân hàng trả lại 40.000.000 đồng do áp dụng tiền lãi phạt quá hạn 150% không đúng pháp luật. Căn cứ thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/10/VAB-

BC/HĐCHMTD, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB-HDNNH ngày 07/10/2010, Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 242/11/VAB-BC/PLHĐTD ngày 07/10/2011 thì khi đến hạn thanh toán hoặc sau 30 ngày kể từ khi Ngân hàng thông báo thu hồi nợ mà bên vay không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ số dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất bằng 150% lãi trong hạn. Thỏa thuận này giữa các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu phản tố của ông Văn là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét thấy: Tất cả các ý kiến của ông Vũ Xuân V trong văn bản kháng cáo gửi Tòa chỉ là ý chí chủ quan, không có chứng cứ chứng minh. Do ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên ngân hàng TMCP V có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Văn là có cơ sở pháp luật, kháng cáo của ông Vũ Xuân V là không có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Vì không được chấp nhận kháng cáo nên ông Vũ Xuân V phải chịu án phí phúc thẩm. Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Lẽ ra khi phát hành thông báo đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án nhân dân Quận 1 phải cho ông Vũ Xuân V đóng tạm ứng bằng với mức án phí dân sự phúc thẩm theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận 1 chỉ thông báo cho ông Vũ Xuân V đóng 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là có sai sót, cần phải rút kinh nghiệm. Vì án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, ông Vũ Xuân V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019520 ngày 09/5/2017, nên còn phải nộp thêm 1.700.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 270; Điều 293; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự ;

- Khoản 8 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của của ông Vũ Xuân V

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 599/2017/KDTM-ST ngày 18/4/2017 và Quyết định sửa chữa bổ sung số 902/2017/QĐSCBSBA ngày 4/5/2107 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N trả cho Ngân hàng TMCP V số vàng nợ gốc 110 chỉ vàng SJC và lãi quá hạn tính từ ngày 08/4/2017 tạm tính đến ngày 18/4/2017 là 0.252 chỉ vàng SJC. Tổng cộng là 110,252 chỉ vàng SJC.

Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc 110 chỉ vàng SJC chưa hoàn trả theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 269/10/VAB.BC/HĐNH ngày 7/10/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 242/11/VAB-BC/PLHĐTD ký ngày 07/10/2011 kể từ ngày 19/4/2017 cho đến khi ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N trả hết nợ.

Các bên đương sự thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh được quy đổi thành tiền VNĐ (đồng) theo tỷ giá vàng SJC mua vào do Công ty TNHH một thành viên Vàng bạc đá quý S niêm yết tại thời điểm thi hành án.

Sau khi các bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V phải trả lại cho các bị đơn toàn bộ bản chính hồ sơ nhà đất số 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N không trả hoặc trả không đủ số nợ như quyết định ở trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại số 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H theo quy định của pháp luật để thi hành án.

Kể từ khi căn nhà số 414/20 C, Phường A, Quận B, Thành phố H được phát mãi để thi hành án thì những người đang thực tế cư trú phải dọn đi nơi khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Xuân V buộc Ngân hàng TMCP V trả lại số tiền 40.000.000 đồng mà ông đã nộp cho ngân hàng với lý do áp dụng lãi phạt quá hạn bằng 150% là không đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Vũ Xuân V và bà Hoàng Thị N phải chịu là: 20.257.759 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm năm chín đồng)

- Ông Vũ Xuân V phải chịu án phí phản tố không được chấp nhận là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được cản trừ vào tiền án phí đã nộp tạm ứng là 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004479 ngày 10/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Vũ Xuân V còn phải nộp thêm 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Ngân hàng Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.200.281 đồng (Mười

một triệu hai trăm ngàn hai trăm tám một đồng) theo Biên lai thu tiền số 05398 ngày 04/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Vũ Xuân V phải chịu là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0019520 ngày 09/5/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vũ Xuân V còn phải nộp thêm 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 1;
- TAND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương